

Công ty CP sách và Thiết Bị Giáo dục Nam Định
13 Minh Khai- P Nguyễn Du- TP Nam Định – T Nam Định

=====◆=====

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÝ 3 NĂM 2017

Nơi gửi :
-Sở GD&ĐT Hà Nội
- UBCKNN
- Lưu cty

Nam định, ngày 20 tháng 10 năm 2017



CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ GIÁO DỤC NAM ĐỊNH

Địa chỉ: 13 Minh Khai, phường Nguyễn Du, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		103,191,690,865	36,908,183,263
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	2,277,400,812	2,846,619,689
1. Tiền	111		2,277,400,812	2,846,619,689
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	9,615,350,000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	-	9,615,350,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		79,647,833,113	23,502,321,544
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	31,126,881,040	3,701,844,203
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	32,348,000,000	19,066,599,372
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	13,800,000,000	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	2,372,952,073	733,877,969
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		21,105,224,831	893,969,064
1. Hàng tồn kho	141	V.7	21,193,767,591	982,511,824
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.8	(88,542,760)	(88,542,760)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		161,232,109	49,922,966
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	68,427,441	49,922,966
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	V.10	1,963,242	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.11	90,841,426	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

9 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B -	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		278,204,212,865	192,326,283,674
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		4,695,500,000	4,695,500,000
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216	V.12	4,695,500,000	4,695,500,000
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		209,559,326,387	186,114,061,996
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.13	18,874,053,195	8,296,561,996
	<i>Nguyên giá</i>	222		49,501,657,350	11,107,084,627
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(30,627,604,155)	(2,810,522,631)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.14	12,867,773,192	-
	<i>Nguyên giá</i>	225		17,466,909,088	-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(4,599,135,896)	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.15	177,817,500,000	177,817,500,000
	<i>Nguyên giá</i>	228		177,817,500,000	177,817,500,000
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
III.	Bất động sản đầu tư	230		-	-
	<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240	V.16	635,867,418	563,140,145
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		635,867,418	563,140,145
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250		60,000,000,000	-
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.17	60,000,000,000	-
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4.	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		3,313,519,060	953,581,533
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.18	3,313,519,060	953,581,533
2.	Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5.	Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270		381,395,903,730	229,234,466,937

9 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C -	NỢ PHẢI TRẢ	300		55,724,138,636	4,563,405,194
I.	Nợ ngắn hạn	310		38,920,653,389	2,028,605,194
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.19	37,363,892,118	857,739,361
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.20	119,764,517	20,332,737
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.21	527,769,355	291,138,170
4.	Phải trả người lao động	314		(18,690,999)	8,773,295
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.22	18,433,333	16,862,430
6.	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây	317		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.23	24,978,603	34,559,201
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.24	884,506,462	799,200,000
11.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13.	Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II.	Nợ dài hạn	330		16,803,485,247	2,534,800,000
1.	Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2.	Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3.	Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4.	Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5.	Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6.	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7.	Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.25	16,803,485,247	2,534,800,000
9.	Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10.	Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12.	Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

9 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D -	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		325,671,765,094	224,671,061,743

I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.26	325,671,765,094	224,671,061,743
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		323,000,000,000	165,000,000,000
-	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		323,000,000,000	165,000,000,000
-	Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		113,603,333	266,203,333
3.	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4.	Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5.	Cổ phiếu quỹ	415		(437,449,533)	(437,449,533)
6.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		291,971,737	291,971,737
9.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2,679,719,316	1,550,252,128
-	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1,550,252,128	842,395,613
-	LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1,129,467,188	707,856,515
12.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13.	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		23,920,241	58,000,084,078
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1.	Nguồn kinh phí	431		-	-
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440		381,395,903,730	229,234,466,937

Kế toán trưởng



Hứa Thị Anh Đào

Lập ngày 20 tháng 10 năm 2017

Tổng Giám đốc



Trần Quốc Hưng

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ GIÁO DỤC NAM ĐỊNH

Địa chỉ: 13 Minh Khai, phường Nguyễn Du, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 3		Lũy kế đầu năm		Đơn vị tính: VND
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	12,469,598,272	17,407,890,493	48,315,492,737	37,008,224,857	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		12,469,598,272	17,407,890,493	48,315,492,737	37,008,224,857	
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	11,768,810,701	14,250,101,050	44,966,458,478	29,866,865,495	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		700,787,571	3,157,789,443	3,349,034,259	7,141,359,362	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	812,190,903	198,951,733	1,306,069,308	758,948,613	
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	184,612,653	252,730,394	1,061,485,047	508,555,151	
Trong đó: chi phí lãi vay	23		114,164,370	252,730,394	809,683,441	380,239,093	
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-	-	-	
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	363,810,636	624,890,807	918,849,941	1,210,983,154	
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	899,378,417	2,056,867,679	3,276,400,207	5,072,540,759	
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		65,176,768	422,252,278	(601,631,628)	1,108,228,911	
12. Thu nhập khác	31	VI.7	1,367,181,818	19,557,567	3,171,442,112	19,557,567	
13. Chi phí khác	32	VI.8	1,318,181,818	-	1,377,246,502	1,272,681	
14. Lợi nhuận khác	40		49,000,000	19,557,567	1,794,195,610	18,284,886	
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		114,176,768	441,809,845	1,192,563,982	1,126,513,797	
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		11,370,824	88,361,969	63,113,190	247,667,004	
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-	
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		102,805,944	353,447,876	1,129,450,792	878,846,793	

19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61	102,802,111	274,414,794	1,129,467,188	661,180,262 =
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	20,213	79,032,083	(16,396)	217,666,531 =
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	16.63	36	40.07 =

Lập ngày 18 tháng 10 năm 2017

Trần Quốc Hưng



Kế toán trưởng

Hứa Thị Anh Đào

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ GIÁO DỤC NAM ĐỊNH

Địa chỉ: 13 Minh Khai, phường Nguyễn Du, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp trực tiếp)

9 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		42,741,978,234	35,380,201,423
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(36,806,262,193)	(51,147,782,380)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(2,749,650,111)	(3,445,757,950)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(494,308,443)	(180,239,093)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(163,619,366)	(88,881,004)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		13,417,169,296	548,803,077
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(21,363,032,391)	(15,594,625,117)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(5,417,724,974)	(34,528,281,044)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(3,850,000,000)	(18,615,350,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		9,665,350,000	24,000,000,000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	16,500,000,000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		7,734,547	1,014,184
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		5,823,084,547	21,885,664,184
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		158,000,000,000	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(157,508,000,000)	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		250,000,000	4,000,000,000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(1,716,578,450)	(466,200,000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-

6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu 36

<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<u>(974,578,450)</u>	<u>3,533,800,000</u>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(569,218,877)	(9,108,816,860)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	2,846,619,689	10,919,979,046
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	<u>2,277,400,812</u>	<u>1,811,162,186</u>

Kế toán trưởng



Hứa Thị Anh Đào

Lập ngày 20 tháng 10 năm 2017

Tổng Giám đốc



Trần Quốc Hưng

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ GIÁO DỤC NAM ĐỊNH

Địa chỉ: 13 Minh Khai, phường Nguyễn Du, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 3 NĂM 2017**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 3 NĂM 2017****I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY****1. Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần**2. Ngành nghề kinh doanh chính trong năm:**

- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Chi tiết: Bán buôn sách giáo khoa, sách khác, văn phòng phẩm; Bán buôn thiết bị đồ dùng dạy học, tranh ảnh bản đồ, đĩa CD và các ấn phẩm phục vụ giáo dục);
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Xuất bản sách (Chi tiết: Phát hành sách);
- Xuất bản báo, tạp chí và các ấn phẩm định kỳ (Chi tiết: Phát hành sách, báo, tạp chí, tranh ảnh bản đồ, đĩa CD và các ấn phẩm phục vụ giáo dục);
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Sản xuất thiết bị đồ dùng dạy học, văn phòng phẩm);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (không bao gồm môi giới, đấu giá, sàn giao dịch bất động sản)).

3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Trong vòng 12 tháng

4. Tổng số các công ty con : 02

Trong đó: Số lượng các công ty con được hợp nhất: 02

5. Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty TNHH Tư vấn và Quản lý SmartInvest	Số 206 phố Đội Cấn, Phường Đội Cấn, Quận Ba Đình, thành phố Hà Nội	99,99%	99,99%
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Hưng Thịnh An	Số 10 ngõ 77/50 Bùi Xương Trạch, Khương Đình, Thanh Xuân, Hà Nội	99,995%	99,995%

6. Công ty liên kết không nhất theo phương pháp vốn chủ

<i>Tên công ty</i>	<i>Lý do không hợp nhất</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty TNHH Thương mại Nam Biên	Công ty liên kết đang trong giai đoạn mới thành lập, chưa có hoạt động sản xuất kinh doanh	32%	32%

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ GIÁO DỤC NAM ĐỊNH

Địa chỉ: 13 Minh Khai, phường Nguyễn Du, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 3 NĂM 2017

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất quý 3 năm 2017

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 5 năm 2015, Thông tư 202/2014/TT-BTC và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Lãnh đạo đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, thông tư 202/2014/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất quý

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất quý

Báo cáo tài chính hợp nhất quý 3 bao gồm Báo cáo tài chính quý 3 của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Nam Định (công ty mẹ) và các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất quý 3 từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Công ty, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất quý 3. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chí phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa quý 3 và Bảng cân đối kế toán hợp nhất quý 3. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty, trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Hợp nhất kinh doanh

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ GIÁO DỤC NAM ĐỊNH

Địa chỉ: 13 Minh Khai, phường Nguyễn Du, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 3 NĂM 2017

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất quý 3 năm 2017

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Công ty phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Công ty trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

5. Đầu tư tài chính

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

7. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ. Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ GIÁO DỤC NAM ĐỊNH

Địa chỉ: 13 Minh Khai, phường Nguyễn Du, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 3 NĂM 2017

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất quý 3 năm 2017

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận vào chi phí.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 50 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05 năm
Tài sản cố định khác	06 năm

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Quyền sử dụng đất

Tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất là lâu dài nên Công ty không thực hiện trích khấu hao.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích hoạt động, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

11. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

12. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ, được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản.

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

13. Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay

Các khoản vay được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng vay, khế ước nhận nợ

Các khoản vay được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, kỳ hạn, nguyên tệ. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, các khoản vay đến hạn trả trong vòng 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh tiếp theo được phân loại là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, các khoản có thời gian trả nợ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

14. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

15. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Doanh nghiệp đang nộp thuế với thuế suất là 20%

17. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ GIÁO DỤC NAM ĐỊNH

Địa chỉ: 13 Minh Khai, phường Nguyễn Du, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 3 NĂM 2017

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất quý 3 năm 2017

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

18. Nợ phải trả tài chính

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	2.185.442.082	678.987.687
Tiền gửi ngân hàng	91.958.730	2.167.632.002
Cộng	<u>2.277.400.812</u>	<u>2.846.619.689</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ GIÁO DỤC NAM ĐỊNH
Địa chỉ: 13 Minh Khai, phường Nguyễn Du, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 3 NĂM 2017
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất quý 3 năm 2017

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	-	9.615.350.000
Cộng	-	9.615.350.000

(*) Số đầu năm là tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Ba Đình, số tiền gửi 9.615.350.000 đồng, kỳ hạn 12 tháng từ ngày 15/6/2016 đến 15/6/2017; lãi suất lĩnh cuối kỳ 6.5%/năm; cơ sở tính lãi 360 ngày.

3. Phải thu khách hàng ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội	-	429.177.452
Công ty TNHH MTV Thuận Thành Công Gia Lai	20.272.283.000	-
Các khách hàng khác	10.854.598.040	3.272.666.751
Cộng	31.126.881.040	3.701.844.203

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Đầu tư, Thương mại và tư vấn thiết kế công trình AT (*)	19.000.000.000	19.000.000.000
Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển trường phổ thông Công nghệ giáo dục	-	66.599.372
Công ty TNHH Thương mại Quà Tặng Lê Gia	12.000.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	1.328.000.000	-
Cộng	32.348.000.000	19.066.599.372

(*) Là khoản tạm ứng thực hiện hợp đồng thi công với Công ty TNHH Đầu tư, thương mại và tư vấn thiết kế công trình AT ngày 22 tháng 7 năm 2016 về việc xây dựng văn phòng tại 222+224 phố Tây Sơn và số 220 Nguyễn Lương Bằng, phường Quang Trung, Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Dự án đang trong giai đoạn phá dỡ, giải phóng mặt bằng với chi phí phá dỡ phát sinh là 635.867.418 VND

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ông Nguyễn Tiến Long vay với lãi suất 8%/năm	6.000.000.000	-
Ông Lê Hồng Long vay với lãi suất 12%/năm	3.800.000.000	-
Bà Đặng Thị Như Quỳnh vay với lãi suất 8%/năm	4.000.000.000	-
Cộng	13.800.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ GIÁO DỤC NAM ĐỊNH
Địa chỉ: 13 Minh Khai, phường Nguyễn Du, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 3 NĂM 2017
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất quý 3 năm 2017

6. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ký cược, ký quỹ	752.000.000	-
Tạm ứng	428.366.478	185.272.872
Tiền thuế GTGT của tài sản thuê tài chính	847.239.088	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	345.346.507	548.605.097
Cộng	<u>2.372.952.073</u>	<u>733.877.969</u>

7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	16.330.853.642	-
Hàng hóa	4.862.913.949	982.511.824
Cộng	<u>21.193.767.591</u>	<u>982.511.824</u>

8. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng hóa	(88.542.760)	(88.542.760)
Cộng	<u>(88.542.760)</u>	<u>(88.542.760)</u>

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ dụng cụ		28.075.840
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	68.427.441	21.847.126
Cộng	<u>68.427.441</u>	<u>49.922.966</u>

10. Các khoản phải thu dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Xây dựng Ba Đình - ICT	4.695.500.000	4.695.500.000
Cộng	<u>4.695.500.000</u>	<u>4.695.500.000</u>

Là khoản đầu tư thực hiện Dự án xây dựng Tòa nhà văn phòng tại số 19 Lê Thanh Nghị, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội theo Hợp đồng góp vốn xây dựng số 01/2016/DST-ICT/HĐGV ký ngày 27 tháng 5 năm 2016 giữa Công ty TNHH xây dựng Ba Đình (ICT) và Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Nam Định. Giá trị theo hợp đồng là 4.695.500.000 VNĐ. Theo đó, khi dự án hoàn thành, Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Nam Định sẽ được ký Hợp đồng thuê văn phòng trong vòng 15 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ GIÁO DỤC NAM ĐỊNH

Địa chỉ: 13 Minh Khai, phường Nguyễn Du, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 3 NĂM 2017**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất quý 3 năm 2017****11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	4.974.932.590	4.989.917.539	1.142.234.498	-	11.107.084.627
Tăng do hợp nhất	-	38.319.772.723	-	74.800.000	38.394.572.723
Số cuối kỳ	4.974.932.590	43.309.690.262	1.142.234.498	74.800.000	49.501.657.350
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	203.773.600	687.247.857	553.083.640	-	1.444.105.097
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	986.362.071	1.078.164.606	745.995.954	-	2.810.522.631
Tăng trong kỳ do khấu hao	49.402.500	1.641.582.858	62.028.456	6.233.328	1.759.247.142
Tăng do hợp nhất	-	26.040.407.874	-	17.426.508	26.057.834.382
Số cuối kỳ	1.035.764.571	28.760.155.338	808.024.410	23.659.836	30.627.604.155
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	3.988.570.519	3.911.752.933	396.238.544	-	8.296.561.996
Số cuối kỳ	3.939.168.019	14.549.534.924	334.210.088	51.140.164	18.874.053.195

12. Tài sản cố định thuê tài chính

Là phương tiện vận tải thuê của Công ty TNHH cho thuê tài chính Chailease theo hợp đồng cho thuê tài chính số B1503072H1 ngày 07/04/2015.

13. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất
Nguyên giá	
Số đầu năm	177.817.500.000
Tăng trong kỳ	-
Số cuối kỳ	177.817.500.000
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số đầu năm	-
Số cuối kỳ	-
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	177.817.500.000
Số cuối kỳ	177.817.500.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ GIÁO DỤC NAM ĐỊNH

Địa chỉ: 13 Minh Khai, phường Nguyễn Du, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 3 NĂM 2017**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất quý 3 năm 2017**

Quyền sử dụng đất trình bày trên tài sản cố định vô hình bao gồm các lô đất sau:

- **Giá trị quyền sử dụng đất có nguyên giá 120.304.500.000 VND** do nhận tài sản góp vốn từ các thành viên sáng lập của Công ty TNHH Tư vấn và Quản lý SmartInvest (SI) tại địa chỉ số 35+37 ngõ 180 Nguyễn Lương Bằng và địa chỉ số 222+224 phố Tây Sơn, phường Quang Trung, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội; Tài sản đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 637061, số vào sổ cấp GCN CH007351014.2015/QĐ-UBND quận Đống Đa ngày 19/01/2015; ngày 15 tháng 5 năm 2015 lô đất này đã được sang tên chuyển quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở theo hợp đồng góp vốn số 164/2015 lập ngày 03/02/2015 tại Văn phòng công chứng Thủ Đô.

Tài sản tăng theo Biên bản họp Đại hội đồng Thành viên Công ty số 02/2015/BB-SI ngày 03/02/2015. Giá trị tài sản góp vốn được định giá theo Biên bản thỏa thuận giá trị tài sản góp vốn số 03/2015/BBĐG-SI ngày 02 tháng 02 năm 2015 do Công ty và các cá nhân góp vốn cùng thỏa thuận trên cơ sở Báo cáo kết quả thẩm định giá số 480/2014/BCTĐG-CIMECO ngày 29 tháng 12 năm 2014 của Công ty TNHH Định giá CIMEICO.

- **Giá trị quyền sử dụng đất có nguyên giá 57.513.000.000 VND** do nhận góp vốn từ các thành viên sáng lập Công ty TNHH Tư vấn và Quản lý SmartInvest (SI) bằng giá trị quyền sử dụng đất tại địa chỉ số nhà 220, Nguyễn Lương Bằng, theo giấy chứng nhận sử dụng đất số BU 637863 số vào sổ cấp GCN CH00748/2718.2015/QĐ-UBND do UBND quận Đống Đa cấp ngày 17/04/2015; ngày 17/3/2016 lô đất này đã được sang tên, chuyển quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất cho Công ty TNHH Tư vấn và Quản lý Smartinvest bằng hình thức góp vốn theo hợp đồng góp vốn số 0035/2016/HĐCN ngày 13/01/2016 tại văn phòng công chứng Vượng Phát

Tài sản tăng theo Biên bản họp Đại hội đồng Thành viên Công ty số 01/2016/BB-SI ngày 01/01/2016. Giá trị tài sản góp vốn được định giá dựa trên cơ sở Báo cáo kết quả thẩm định giá số 457/2015/BCTĐG-CIMECO ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Công ty TNHH Định giá CIMEICO.

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí xây dựng văn phòng mới tại địa chỉ 222-224 Phố Tây Sơn	635.867.418	563.140.145
Cộng	635.867.418	563.140.145

15. Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết

Là khoản đầu tư của Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Hưng Thịnh An (Công ty con) vào Công ty TNHH Thương mại Nam Biên theo giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp Công ty TNHH hai thành viên trở lên số 010178152 ngày 28 tháng 3 năm 2015 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Đến thời điểm 30 tháng 6 năm 2017, Công ty Hưng Thịnh An đã góp đủ số vốn theo cam kết chiếm tỷ lệ 32% vốn chủ sở hữu. Tỷ lệ sở hữu gián tiếp của Công ty mẹ là 32%.

16. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các chi phí trả trước dài hạn khác	3.313.519.060	953.581.533
Cộng	3.313.519.060	953.581.533

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ GIÁO DỤC NAM ĐỊNH

Địa chỉ: 13 Minh Khai, phường Nguyễn Du, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 3 NĂM 2017**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất quý 3 năm 2017****17. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần thương mại và đầu tư Hà Nội - Kinh Bắc	20.079.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Vận Tải An Vinh	4.559.254.622	-
Công ty Cổ phần Quốc tế Đại Phong	1.822.038.436	-
Các nhà cung cấp khác	10.903.599.060	857.739.361
Cộng	37.363.892.118	857.739.361

18. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
1.860.831.491	20.332.737

19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
527.769.355	291.138.170

20. Chi phí phải trả ngắn hạn

Là chi phí lãi vay phải trả

21. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	32.235	2.282.235
Bảo hiểm xã hội	3.921.061	22.920.533
Bảo hiểm y tế	729.182	2.995.223
Bảo hiểm thất nghiệp	266.125	1.331.210
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	20.030.000	5.030.000
Cộng	24.978.603	34.559.201

22. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng				
Ngân hàng TMCP Quân đội - chi nhánh Quảng Ninh (1)	884.506.462	884.506.462	-	-
Cộng	884.506.462	884.506.462	799.200.000	799.200.000

23. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
Vay dài hạn ngân hàng				
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hà Nội (1)	2.135.200.000	2.135.200.000	2.534.800.000	2.534.800.000
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam -	1.351.200.000	1.351.200.000	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ GIÁO DỤC NAM ĐỊNH

Địa chỉ: 13 Minh Khai, phường Nguyễn Du, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 3 NĂM 2017**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất quý 3 năm 2017**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>PGD Xuân Diệu (2)</i>				
<i>Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - chi nhánh Đông Đô (3)</i>	598.632.821	598.632.821	-	-
Nợ thuê tài chính				
<i>Công ty TNHH cho thuê tài chính Chailease (4)</i>	6.313.434.357	6.313.434.357		
<i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn khác</i>	6.405.018.069	6.405.018.069	-	-
Cộng	16.803.485.247	16.803.485.247	2.534.800.000	2.534.800.000

(1) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hà Nội theo Hợp đồng tín dụng số 17/2016/HĐTD/NHCT129-PGD/LB-SI ký ngày 29 tháng 01 năm 2016. Số tiền cho vay không vượt quá 4.000.000.000 (Bốn tỷ đồng chẵn). Mục đích sử dụng của khoản vay là để thanh toán chi phí mua ô tô theo Hợp đồng mua bán xe ô tô số UK-SCC/25.01.16/L05 ngày 25/1/2016. Thời hạn cho vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất cố định ưu đãi trong 12 tháng đầu là 7,9%/năm; hết thời gian ưu đãi, lãi suất cho vay bằng lãi suất cơ sở cộng (+) biên độ 3,5%/năm và không thấp hơn sàn lãi suất cho vay kỳ hạn tương ứng (Lãi suất cơ sở bằng lãi suất huy động tiết kiệm cộng chi phí huy động vốn tăng thêm). Lãi suất phạt nợ gốc quá hạn bằng 50% lãi suất cho vay trong hạn. Khoản vay được đảm bảo bởi các tài sản là xe Range Rover (hình thành từ khoản vay) và các thiết bị, linh kiện, phụ tùng, phụ kiện....gắn liền với tài sản.

(2) Khoản vay ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam theo hợp đồng tín dụng số 1717-LAV-2015 ký ngày 3 tháng 4 năm 2015. Mục đích khoản vay là để phục vụ cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, thời hạn cho vay là 60 tháng từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên, lãi suất cho vay của từng lần giải ngân là lãi suất do Eximbank công bố có hiệu lực, chu kỳ thay đổi lãi suất 1 tháng/lần, lãi suất bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 13 tháng + 3,5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là: Quyền sở hữu tài sản là Căn hộ chung cư số A1109, Khu nhà ở cao cấp Viglacera Tower, Mễ Trì, Từ Liêm (nay là số 01 đại lộ Thăng Long) thuộc sở hữu của ông Nguyễn Đức Hiếu theo hợp đồng chuyển nhượng quyền và nghĩa vụ mua nhà ở số A1109/2015/TL-HĐCN ký với công ty TNHH BĐS MSB; tài sản hợp pháp khác.

(3) Khoản vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng theo hợp đồng tín dụng số 220515-828441-01-SME ngày 31 tháng 7 năm 2015. Mục đích khoản vay để bổ sung vốn lưu động để thanh toán tiền xăng dầu, phụ tùng thay thế...của xe oto, phục vụ hoạt động vận tải, thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên, lãi suất cho vay áp dụng theo từng khế ước nhận nợ, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Tài sản đảm bảo là ô tô nhãn hiệu Lexus LX 570 BKS 29A-25869 thuộc sở hữu của Ông Nguyễn Đức Hiếu và bà Vũ Anh Đào.

(4) Là khoản nợ thuê tài chính với Công ty TNHH Cho thuê tài chính quốc tế Chailease theo hợp đồng cho thuê tài chính số B1503072H1 ngày 07 tháng 04 năm 2015 về việc cho thuê 08 xe ô tô tải (tự đổ) xuất xứ Trung Quốc CNHTC trị giá 18.800.000.000 đã bao gồm cả thuế VAT, thời hạn thuê là 40 tháng, lãi suất thuê tài chính là 11,5%. Khoản thuê tài chính này được đảm bảo bằng khoản ký cược: 752.000.000, thư bảo lãnh bởi Nguyễn Đức Hiếu, Ngô Quang Hòa.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

24. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đồng không kiểm soát	Cộng
Số đầu năm trước	165.000.000.000	266.203.333	(437.449.533)	291.971.737	1.075.658.021	18.855.158	166.215.238.716
Tăng do góp thêm vốn bằng tài sản	-	-	-	-	-	-	-
Đánh giá lại lợi ích cổ đồng thiểu số do góp thêm vốn	-	-	-	-	(233.262.408)	233.262.408	-
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	707.856.515	234.966.512	942.823.027
Số dư cuối năm trước	165.000.000.000	266.203.333	(437.449.533)	291.971.737	1.550.252.127	58.000.084.079	224.671.061.743
Số dư đầu năm nay	165.000.000.000	266.203.333	(437.449.533)	291.971.737	1.550.252.127	58.000.084.079	224.671.061.743
Tăng do góp thêm vốn bằng tiền	158.000.000.000	-	-	-	-	-	158.000.000.000
Sử dụng thặng dư cho chi phí khi tăng vốn	-	(152.600.000)	-	-	-	(16.397)	(152.600.000)
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	1.129.467.188	-	1.129.450.791
Tăng do hợp nhất khi mua lại cổ phiếu SmartInves	-	-	-	-	-	(57.981.181.445)	(57.981.181.445)
Tăng do hợp nhất khi mua lại cổ phiếu Hưng Thịnh An	-	-	-	-	-	5.034.004	5.034.004
Số dư cuối kỳ	323.000.000.000	113.603.333	(437.449.533)	291.971.737	2.679.719.316	23.920.241	325.671.765.094

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ GIÁO DỤC NAM ĐỊNH

Địa chỉ: 13 Minh Khai, phường Nguyễn Du, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 09 NĂM 2017****1. Doanh thu**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	48.315.492.737	19.600.334.364
Cộng	48.315.492.737	19.600.334.364

2. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	44.966.458.478	15.616.764.445
Cộng	44.966.458.478	15.616.764.445

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hoạt động tài chính	1.306.069.308	559.996.880
Cộng	1.306.069.308	559.996.880

4. Chi phí hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	809.683.441	127.508.699
Chi phí khác	251.801.606	128.316.058
Cộng	1.061.485.047	255.824.757

5. Chi phí bán hàng

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng	918.849.941	586.092.347
Cộng	918.849.941	586.092.347

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ GIÁO DỤC NAM ĐỊNH

Địa chỉ: 13 Minh Khai, phường Nguyễn Du, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 3 NĂM 2017**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất quý 3 năm 2017****6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	1.005.522.467	694.227.668
Chi phí vật liệu quản lý	-	11.246.800
Chi phí đồ dùng văn phòng	612.324.395	761.625.982
Chi phí khấu hao tài sản cố định	758.413.625	290.032.680
Thuế, phí và lệ phí	19.268.883	33.788.016
Chi phí dịch vụ mua ngoài	287.298.952	716.912.745
Các chi phí khác	488.613.790	507.839.171
Cộng	3.171.442.112	3.015.673.062

7. Thu nhập khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	3.171.442.112	-
Cộng	3.171.442.112	-

8. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí khác	1.377.246.502	1.272.681
Cộng	1.377.246.502	1.272.681

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm nay	Năm trước
	63.113.190	159.305.035

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Năm nay	Năm trước
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	36	23

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	16.500.000	16.500.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 12 tháng 01 năm 2017	14.834.444	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	31.334.444	16.500.000
11. Tổng lợi nhuận kế toán sau thuế	1.129.467.188	1.550.252.128

Kế toán trưởng



Trần Thị Anh Đào



Lập ngày 20 tháng 10 năm 2017

7. Giám đốc



Trần Quốc Hưng